

Bản án số: **21/2018/DSST**

Ngày: 07/8/2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà **Nguyễn Thị Nam Hoa**
- Các Hội thẩm nhân dân : Ông **Trần Huy Liên**
Bà **Nguyễn Thị Tĩnh**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Phương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:
Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên

Ngày 07/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 571/2017/ TLST - DS ngày 27 tháng 12 năm 2017, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST - DS ngày 18/7/2018, giữa các đương sự :

* Nguyên đơn : **Ngân hàng**

Địa chỉ: 89 L, phường L, quận Đ, Tp. Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Thành T** - Chức vụ: Phó giám đốc khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ - VP bank Hội sở.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Phan Minh V** - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ

(Theo văn bản ủy quyền số 11107/2018/UQ - VPB ngày 17/5/2018)

Địa chỉ: Tầng 2, số 296 P, quận Phú N, Tp. Hồ Chí Minh.

Ông Vũ có mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn : 1/ Ông **Trần Đình Q**

2/ Bà **Nguyễn Thị T**

Cùng địa chỉ: Số 55 Trần Bình T, phường P, TP. N, tỉnh K.

Ông Q và bà T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2017 của Ngân hàng, quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Minh V trình bày:

Ngân hàng - CN Nha Trang và ông Trần Đình Q, bà Nguyễn Thị T đã ký kết hợp đồng tín dụng số NTG/14/0098/HĐTD ngày 08/9/2014, cụ thể như sau:

Số tiền vay: 200.000.000 đồng

Thời hạn vay: 60 tháng, kể từ ngày 10/9/2014 đến ngày 10/9/2019

Mục đích vay: Tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình

Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 5%/năm, cố định trong 06 tháng đầu tiên. Kể từ tháng thứ 7 trở đi (từ ngày 10/03/2015 đến 31/03/2015), lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất tiết

kiệm 12 tháng bậc thấp nhất của bên ngân hàng, cộng biên độ 5,5%/năm. Từ ngày 01/4/2015 trở đi. Lãi suất điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01; 01/4; 01/7; 01/10 hàng năm. Lãi suất hiện tại: 12%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ngày 08/9/2014 ông Trần Đình Q và bà Nguyễn Thị T đã ký hợp đồng thế chấp số NTG/14/0098/HĐTC đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thôn M, xã N, huyện N, tỉnh K thuộc sở hữu và sử dụng của ông Trần Đình Q và bà Nguyễn Thị T theo Giấy chứng nhận QSD đất số AI 341479 do Ủy ban nhân dân huyện N (nay là thị xã N), tỉnh K cấp ngày 07/8/2007.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên ông Q, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như hợp đồng đã ký kết, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn kể từ ngày 26/02/2015. Tính đến hết ngày 07/8/2018 ông Q, bà T còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền là 294.474.956 đồng (Trong đó tiền gốc là 179.996.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 114.478.956 đồng). Nay Ngân hàng yêu cầu ông Trần Đình Q, bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng một lần toàn bộ số nợ nêu trên và toàn bộ tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 08/9/2014 cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Sau khi ông Trần Đình Q và bà Nguyễn Thị T trả hết toàn bộ số nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng sẽ trả lại cho ông Q, bà T một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 341479 do Ủy ban nhân dân huyện N (nay là thị xã N), tỉnh K cấp ngày 07/8/2007. Trong trường hợp ông Q, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền, tiến hành kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất mà ông Q, bà T đã thế chấp cho Ngân hàng để xử lý thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết và cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Đình Q, bà Nguyễn Thị T nhưng ông Q, bà T cố tình vắng mặt, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, 92, 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Đình Q, bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số NTG/14/0098/HĐTD kể từ ngày 07/8/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp ông Q, bà T đã thanh toán hết các khoản nợ thì Ngân hàng phải trả lại toàn bộ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Q, bà T đã thế chấp. Trường hợp ông Q, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền, tiến hành kê biên, phát mãi các tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất mà ông Q, bà T đã thế chấp cho Ngân hàng để xử lý thu hồi nợ. Về án phí: Ông Trần Đình Q và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Ngân hàng khởi kiện ông Trần Đình Q và bà Nguyễn Thị T. Đây là tranh chấp phát sinh trong dân sự giữa cá nhân và tổ chức Ngân hàng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý, giải quyết vụ án dân sự và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Đình Q và bà Nguyễn Thị T nhưng đều vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai, tiếp cận chứng cứ, hòa giải và tại các phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

*** Về nội dung:**

[1] Hợp đồng tín dụng số NTG/14/0098/HĐTD và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số NTG/14/0098/HĐTC là những tình tiết sự kiện đã được ghi trong văn bản và được công chứng, chứng thực hợp pháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2] Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Q, bà T đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 20.994.000đ (*Hai mươi triệu, chín trăm chín mươi tư triệu đồng*) tiền nợ gốc và vi phạm thời hạn trả nợ theo quy định tại Điều 3 của hợp đồng tín dụng số NTG/14/0098/HĐTD ngày 08/9/2014 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Q, bà T trả nợ do vi phạm hợp đồng tín dụng là có cơ sở.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Q, bà T phải trả cho Ngân hàng các khoản tiền gồm: tiền gốc là 179.996.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 114.478.956 đồng. Tổng cộng là 294.474.956 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 07/8/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ông Trần Đình Q và bà Nguyễn Thị T không thanh toán tiền vay và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số NTG/14/0098/HĐTD ngày 08/9/2014, khế ước nhận nợ số 01/NTG/14/0098/HĐTD ngày 10/9/2014 là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Trần Đình Q, bà Nguyễn Thị T phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 07/8/2018 là 294.474.956 đồng và tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (*ngày 07/8/2018*) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Q, bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Đối với tài sản thế chấp mà bị đơn, ông Trần Đình Q và bà Nguyễn Thị T đã thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm cho khoản tiền vay của ông Q, bà T theo hợp đồng tín dụng số NTG/14/0098/HĐTD ngày 08/9/2014. *Xét:* Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số NTG/14/0098/HĐTC giữa Ngân hàng và ông Q, bà T đã được công chứng và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Công chứng số 1 tỉnh ngày 08/9/2014, nên hợp đồng thế chấp này là hợp pháp. Tại Điều 1 và Điều 2 của hợp đồng thế chấp có các nội dung thế chấp như sau: Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thôn M, xã N, huyện N, tỉnh K thuộc sở hữu và sử dụng của ông Trần Đình Q và bà Nguyễn Thị T theo Giấy

chứng nhận QSD đất số AI 341479 do Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hòa(nay là thị xã N), tỉnh K cấp ngày 07/8/2007 và tài sản thế chấp này được đảm bảo cho khoản nợ phải trả, bao gồm: Nợ gốc, tiền lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác của bên thế chấp đối với bên Ngân hàng được xác định tại hợp đồng tín dụng số NTG/14/0098/HĐTD ngày 08/9/2014 giao kết giữa Ngân hàng với ông Trần Đình Q, bà Nguyễn Thị T với số tiền vay tối đa là 200.000.000đ. Do vậy, khi ông Q, bà T vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi của hợp đồng là xâm phạm quyền lợi của Ngân hàng. Vì vậy, tài sản thế chấp mà ông Q, bà T đã thế chấp cho Ngân hàng để bảo lãnh cho khoản nợ vay của ông Q, bà T sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật trong quá trình thi hành án nếu ông Q, bà T không thi hành khoản nợ trên.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí DS-ST đối với số tiền 294.474.956 đồng theo quy định của pháp luật, cụ thể: $294.474.956 \text{ đồng} \times 5\% = 14.723.747\text{đ}$ (mười bốn triệu, bảy trăm hai mươi ba ngàn, bảy trăm bốn mươi bảy đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.924.000đ (Năm triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007987 ngày 08/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 290; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng, buộc bị đơn ông Trần Đình Q và bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền **294.474.956đ** (hai trăm chín mươi tư triệu, bốn trăm bảy mươi bốn ngàn, chín trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó nợ gốc là 179.996.000đ, tiền lãi quá hạn là 114.478.956đ.

1.1 Khi ông Trần Đình Q, bà Nguyễn Thị T thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông Q, bà T bản chính Giấy chứng nhận QSD đất số AI 341479 do Ủy ban nhân dân huyện N (nay là thị xã N), tỉnh K cấp ngày 07/8/2007.

1.2 Trong trường hợp ông Trần Đình Q và bà Nguyễn Thị T không thanh toán số nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thi hành án theo quy định của pháp luật là lô đất tại thôn M, xã N, thị xã N, tỉnh K theo Giấy chứng nhận QSD đất số AI 341479 do Ủy ban nhân dân huyện N (nay là thị xã N), tỉnh K cấp ngày 07/8/2007.

1.3 Về lãi suất áp dụng tính lãi và thời hạn: Ông Trần Đình Q, bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/8/2018) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Q, bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng

cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Trần Đình Q, bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 14.723.747 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.924.000đ (*Năm triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007987 ngày 08/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

Quy định chung: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh K;
- VKSND Tp. N;
- THADS Tp. N;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nam Hoa

Nơi nhận:

- Toà án ND Tỉnh Khánh Hoà
- VKS TP Nha Trang.
- THA Dân sự TP Nha Trang
- Người tham gia tố tụng
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nam Hoa